

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 5 – 2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hậu

2. Bà Dương Việt Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lang Văn L, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn TH 2, xã LT, tỉnh Thanh Hóa.

CCCD: 038095012423; Ngày cấp: 12/6/2023; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lang Văn L: Bà Nguyễn Chúc L – Luật sư của Văn Phòng luật sư Ly Nguyễn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Sơn Thị N, sinh năm 1995

HKTT: Thôn TH 2, xã LT, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Ấp CV, xã HH, tỉnh Cà Mau

CCCD: 095195001562; ngày cấp: 11/5/2025; Nơi cấp: Bộ Công an

(nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – anh Lang Văn L trình bày: Anh và chị Sơn Thị N xây dựng hôn nhân năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã HH, tỉnh Cà Mau).

Vợ chồng anh chung sống có 03 con chung là Lang Văn N, sinh ngày 11/9/2014, Lang Phát L, sinh ngày 14/5/2019, Lang Phát T, sinh ngày 15/7/2020. Hiện tại Lang Văn N, Lang Phát L, Lang Phát T đang sống cùng anh L.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, Vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay. Giữa anh và không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị Sơn Thị N.

Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 03 con chung là Lang Văn N, Lang Phát T, Lang Phát L. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình làm việc bị đơn – chị Sơn Thị N trình bày: Chị và anh Lang Văn L xây dựng hôn nhân năm 2014, vợ chồng anh có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã HH, tỉnh Cà Mau).

Vợ chồng có 03 con chung là Lang Văn N, sinh ngày 11/9/2014, Lang Phát L, sinh ngày 14/5/2019, Lang Phát T, sinh ngày 15/7/2020. Hiện tại Lang Văn N, Lang Phát L, Lang Phát T đang sống cùng anh L.

Thời gian đầu vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi với nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì giữa vợ chồng chị không có hòa giải hàn gắn tình cảm. Nay anh Lang Văn L yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn với anh Lang Văn L. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Lang Văn N, Lang Phát T, Lang Phát L cho anh Lang Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N.

Về con chung: Giao Lang Văn N, sinh ngày 11/9/2014, Lang Phát L, sinh ngày 14/5/2019, Lang Phát T, sinh ngày 15/7/2020 cho anh Lang Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Sơn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con chung mà không ai được cản trở. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sơn Thị N có địa chỉ tại ấp CV, xã HH, tỉnh Cà Mau. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N là tự nguyện và hợp pháp. Anh Lang Văn L yêu cầu được ly hôn với chị Sơn Thị N. Chị Sơn Thị N thống nhất đồng ý ly hôn của anh Lang Văn L. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N đã không còn yêu thương quan tâm lẫn nhau, không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, thể hiện đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N.

[3] Về con chung: Anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N cùng thống nhất có 03 con chung là cháu Lang Văn N, sinh ngày 11/9/2014, Lang Phát L, sinh ngày 14/5/2019, Lang Phát T, sinh ngày 15/7/2020. Anh L và chị N cùng thống nhất giao Lang Văn N, Lang Phát T, Lang Phát L cho anh Lang Văn L tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Lang Văn N và Lang Phát L cũng có nguyện vọng được sống cùng anh L. Đây là ý chí tự nguyện của anh L và chị N và cũng phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con anh Lang Văn L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N cùng xác định không có nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lang Văn L phải chịu án phí sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[8] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lang Văn N, sinh ngày 11/9/2014, Lang Phát L, sinh ngày 14/5/2019, Lang Phát T, sinh ngày 15/7/2020 cho anh Lang Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Sơn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Lang Văn L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lang Văn L và chị Sơn Thị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lang Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Anh L đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003758 ngày 06/4/2026 tại Chi cục thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã HH;
- Lưu: HS; VT-TA.

Phan Thị Mỹ Ghết